

Một trong những điểm đáng chú ý trong giới quan chức Việt Nam là họ thường có bằng cấp rất cao.



Thật vậy, chỉ nhìn qua những danh thiếp của cấp thủ trưởng, vị trưởng, hay thậm chí những đặc báo về chức danh của các bộ trưởng, chúng ta thấy họ thường là tiến sĩ hay thạc sĩ. Ngay cả tôi, dĩ nhiên giới quan chức nước ngoài, nên tôi cũng có qua các danh thiếp của họ là trình độ học vấn trung bình, thường thì họ là bác sĩ, rồi hiếm khi thấy bộ trưởng các nước phương Tây có bằng tiến sĩ. Những đó chỉ là nên tôi, chỉ chỉ có bằng cấp nào để so sánh thôi. Theo tôi biết, cho đến nay, Việt Nam chưa có ai làm được việc kê đi biệt trình độ học vấn của quan chức Việt Nam và ngoài quốc gia nào. Có được những thông tin này tôi thật nghĩ cũng thú vị vì nó cung cấp cho chúng ta một cái nhìn tổng quan về trình độ của các quan chức chính phủ.

Tôi chỉ cần các quan chức cấp bộ trưởng, vì thông tin về các vị này tôi đã thấy đủ rồi. Các thông tin về chức vụ, năm sinh, trình độ học vấn của các bộ trưởng (hay quan chức từng giữ chức bộ trưởng) của Việt Nam, Mỹ, và Úc được thu thập cho từng cá nhân. Riêng trưởng hợp Việt Nam, tôi còn thu thập thêm thông tin về quê quán để xem sẽ phân phối gì ra sao.

Kết quả cho thấy nếu các của Việt Nam có 26 thành viên, ít hơn Úc (28 người), nhưng đông hơn Mỹ (23 người). Tuy nhiên, có sự mất cân đối nghiêm trọng về phân bố giới tính. Trong số 26 thành viên nữ các chính phủ Việt Nam, chỉ có 1 duy nhất: đó là bà Nguyễn Thị Kim Ngân. Trong khi đó, nữ các chính phủ Mỹ có đến 7 người là nữ, và con số này chiếm gần 1/3 chính phủ Obama, nhiều hơn cả chính phủ Úc với 4/28 thành viên (hay 14%) là nữ giới.

Về tuổi tác, các bộ trưởng trong chính phủ Việt Nam thường đi cao tuổi hơn so với đồng nghiệp

c&a h& Mĩ và Úc. Tu&i trung bình c&a các b& tr&ng Việ t Nam là 59, k& đ&n là Mĩ (tu&i trung bình 56) và Úc (50 tu&i). Ng&i tr& nh&t trong chính ph& Việ t Nam là ông Hoàng Trung H&i (50 tu&i), nh&ng ng&i tr& tu&i nh&t trong chính ph& Úc ch& 33 tu&i (Kate Ellis, b& tr&ng th& thao), còn b& tr&ng tr& nh&t c&a Mĩ cũng ch& 42 tu&i (ông Peter R. Orszag, giám đ&c ngân sách qu&c gia, v&i b&ng ti&n sĩ t& London School of Economics).

V& trình đ& học v&n, chính ph& Việ t Nam có trình đ& cao nh&t so v&i Mĩ và Úc. Trong s& 26 thành viên trong n&i các chính ph& Việ t Nam, có đ&n 50% (13 ng&i) có b&ng ti&n sĩ, 10 ng&i có b&ng c& nhân, và 3 ng&i có b&ng th&c sĩ. Phân tích kĩ h&n thì tôi th&y trong s& 13 ti&n sĩ b& tr&ng Việ t Nam, ph&n l&n là ti&n sĩ v& kinh t& (7 ng&i, g&m các ông Nguy&n Sinh Hùng, Ph&m Khôi Nguyên, Vũ Huy Hoàng, Lê Doãn H&p, Tr&n Văn Tuấn, Cao Đ&c Phát, và Nguy&n Văn Giàu), ph&n còn l&i là xã h&i h&c (ông Nguy&n Quốc Tri&u), luy&n kim (ông Ph&m Gia Khiêm), đ&iu khi&n h&c (ông Nguy&n Thi&n Nhân), lu&t (ông Hà Hùng C&ng), ki&n trúc (ông Nguy&n H&ng Quân), và toán lí (ông Hoàng Văn Phong).

& Úc, trong s& 28 thành viên chính ph&, ch& có 1 ng&i duy nh&t có b&ng ti&n sĩ (ông Craig Emerson), 5 ng&i có b&ng th&c sĩ, và đa s& (22 ng&i) có b&ng c& nhân. N&i các chính ph& Obama có trình đ& học v&n cao h&n Úc m&t chút, nh&ng v&n còn thua xa so v&i Việ t Nam. Trong s& 23 thành viên, 7 ng&i có b&ng ti&n sĩ, 8 ng&i v&i b&ng th&c sĩ, và 8 ng&i v&i b&ng c& nhân.

N&u [t&m] tính PhD là 10 năm theo h&c đ&i h&c, th&c sĩ 6 năm, và c& nhân 4 năm, thì tính trung bình m&i b& tr&ng hay thành viên trong n&i các chính ph& VN có 7.2 năm h&c đ&i h&c, k& đ&n là Mĩ (6.5 năm), và th&p nh&t trong nhóm là Úc (4.6 năm).

Phân tích theo vùng. Nói đ&n Việ t Nam là ph&i nói đ&n chính tr& vùng. Tình hình phân b& các thành viên và trình đ& học v&n trong n&i các chính ph& Việ t Nam không đ&ng đ&u gi&a 3 vùng. Trong s& 26 thành viên, đa s& là t& mi&n B&c (12 ng&i, hay 46%), mi&n Trung và mi&n Nam m&i mi&n có 7 ng&i. Đi&u thú v& & đây là trong s& 12 thành viên t& mi&n B&c, có đ&n 8 ng&i (67%) có b&ng ti&n sĩ. S& thành viên có b&ng ti&n sĩ t& mi&n Trung là 3/7 (43%), và mi&n Nam là 2/7 (28%).

Vài nh&n xét

Trong lo&t bài v& nh&ng b&t c&p trong vi&c đào t&o ti&n sĩ trên Sài Gòn Gi&i Phóng, tác gi& vi&t nh& sau: “Nhà khoa h&c, nhà qu&n lý các n& c cũng s& r&t ng&c nhiên khi bi&t đ&c đ&i

ngũ cán bộ của ta hiện nay, thì là TS rất cao! [...] Trên các nước, TS nước có trong bộ máy quản lý nhà nước thì cũng chỉ khiêm tốn hơn một ít.” Nhận xét phân tích trong bài này phù hợp với nhận xét đó. Phân tích các bộ trưởng (hay quan chức từng ng từng ng bộ trưởng) Việt Nam có bằng tiến sĩ, và con số này cao hơn so với chính phủ Mỹ và Úc, hai nước mà trình độ dân trí cao hơn Việt Nam. Tôi chưa có bằng chứng, nhưng tôi nghi ngờ rằng là tiến sĩ trong chính phủ Việt Nam có lẽ là cao nhất thế giới.

Việt Nam đang tiến tới một nền học lý luận: muốn để bắt buộc với nào đó thì phải có bằng cấp từng ng từng ng. Chính hiện nay để đưa kiến tiên quyết cho chức vụ giám đốc sẽ thì phải là bằng cấp nhân hay thạc sĩ, từng ng khoa một bộ môn trong bộ ngành thì cần phải có bằng tiến sĩ và ... từng viên. Do đó, người ta đã xô nhau đi “làm” tiến sĩ, tìm mọi cách và mọi giá để có một cái bằng tiến sĩ cho để thăng quan tiến chức, hơn là phục vụ cho khoa học. Chú ý là người ta “làm” tiến sĩ, chứ không hơn là “học” tiến sĩ. Đáng lẽ “làm” ở đây bao gồm nhiều hành động, kể cả những việc làm có thể xem là tiêu cực.

Tuy nhiên, qui định bằng cấp và chức vụ đó là để cấp để phân công và cấp sẽ, còn đối với các cấp bộ trưởng hay từng ng từng ng thì tôi nghĩ không có qui định bằng cấp càng cao mới để cấp bộ nhiệm chức cao, vì cấp này, với thể và thành tích chính trị đóng vai trò quan trọng hơn là bằng cấp. Nhận xét rằng khi làm bộ trưởng thì các vụ này cũng đã trải qua các chức vụ thấp hơn, nên nhu cầu bằng cấp lúc đó rất phải có. Điều này có nghĩa là phong trào tiến sĩ và chức vụ đã xảy ra từng đây, và bây giờ chính là giai đoạn gặt hái thành quả. Hiểu theo nghĩa này, tôi nghĩ trong từng ng lại chúng ta sẽ còn thấy nhiều tiến sĩ trong chính phủ hơn nữa. Nhiệm kỳ tiếp theo của con số bộ trưởng có bằng tiến sĩ không phải là 50% như bây giờ mà có thể là 2/3.

Tiến sĩ là học vấn cao nhất trong hệ thống bằng cấp đối học. Thông thường, con số người có bằng tiến sĩ thấp hơn con số thạc sĩ, và số người với bằng thạc sĩ ít hơn số người với bằng cấp nhân. Đó là xu hướng mà chúng ta thấy ở Mỹ và Úc. Ở Úc, chỉ có 1 bộ trưởng duy nhất có bằng tiến sĩ. Nhận xét trong chính phủ Việt Nam thì ngược lại: số người có bằng tiến sĩ nhiều hơn số người có bằng cấp nhân và thạc sĩ. Đó là một sự phân bố bất bình thường. Sự bất bình thường đó đặt ra câu hỏi có phải bằng tiến sĩ ở Việt Nam quá dễ “làm”. Tôi không có câu trả lời cho câu hỏi này, nhưng nhưng lem nhem và bất cập về cách đào tạo tiến sĩ ở trong nước mà báo chí phản ánh trong thời gian qua làm cho xã hội đánh mất đi những lợi ích.

Thật ra, nhìn một cách tích cực hơn, chính phủ có nhiều tiến sĩ là một tín hiệu tốt. Con số 50% bộ trưởng có bằng tiến sĩ cho thấy nước ta đúng là nước có trình độ học vấn cao, có lẽ cao nhất thế giới. Phần lớn các tiến sĩ bộ trưởng học về kinh tế, và điều này nói lên rằng chúng ta có thể tin tưởng rằng kinh tế VN sẽ phát triển với tốc độ nhanh chóng. Trong khi chưa có bằng chứng cho phát biểu đó, chúng ta hãy cẩn thận và hi vọng với.

Các nhà nghiên cứu, phần lớn nghiên cứu sinh làm việc trong các đại học và trung tâm nghiên cứu, với một thiểu số nhỏ làm việc trong ngành quản lý. Ở Việt Nam thì ngược lại: phần lớn nghiên cứu sinh làm trong ngành quản lý hành chính, rất ít người đi giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học. Thật vậy, chỉ có khoảng ~20% giảng viên trong các đại học lớn ở VN có văn bằng tiến sĩ. Trong khi đó, 50% trường VN có bằng tiến sĩ. Một câu hỏi khác cũng cần đặt ra là chính phủ có cần ưu tiên số nhỏ này hay không trong khi các trường đại học rất thiếu giảng viên trình độ tiến sĩ?